TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2017/HS-PT
Ngày: 29/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thụy Vũ**
Các Thẩm phán : Bà **Nguyễn Thị Kim Phượng**
Ông **Nguyễn Văn Trinh**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phan Văn Cần -**Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Sương -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 29.9.2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 117/2017/HSPT ngày 03.7.2017. Do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 05.4.2017 của Tòa án nhân dân quận N.

Bị cáo có kháng cáo:

Đào Thị Thu T, sinh năm 1977
Đăng ký hộ khẩu thường trú: 13A hẻm 4 đường M, phường X, quận N, thành phố C.
Chổ ở: Cạnh số 186/6A Trần Vĩnh K, phường A, quận N, thành phố C.
Quốc tịch Việt Nam. Dân tộc Kinh. Tôn giáo: không.
Học vấn: 12 /12 . Nghề nghiệp: Làm thuê.
Con ông Đào Hữu K và bà Trần Thị N.
Chồng: Trần Bá M (đã ly hôn). Có 01 con sinh năm 2008.
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.
Có Luật Sư Hà Thanh V và Luật sư Đinh Ngọc L - Đoàn Luật sư thành phố C bào chữa cho bị cáo.
Bị hại : Ông Trương Bảo H sinh năm 1963. Có mặt.
Địa chỉ: 148A3 ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.
Có Luật sư Lê Văn B – Đoàn Luật sư tỉnh V bảo vệ quyền lợi cho bị hại. Có mặt.

NHẬN THẤY

Theo Cáo trạng của Viện Kiểm sát và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận N nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Phúc V là con trai của Trương Bảo H có nguyện vọng được học tại trường Cảnh sát nhân dân, do không đủ điểm được nhận vào trường nên H có nhu cầu tìm người xin cho V được nhập học trường này.

Thông qua giới thiệu của Châu Thu V, H đến gặp Đào Thị Thu T nói nguyện vọng thì được T nói có họ hàng làm ở quân khu 9 sẽ lo cho V về học tại trường Trung cấp cảnh sát nhân dân III với giá 250.000.000 đồng, sau khi thỏa thuận T đồng ý lo hồ sơ cho V với giá 220.000.000 đồng. H đã trực tiếp đưa cho T 02 lần : Lần thứ nhất ngày 15.8.2015 mang đến đưa cho T 120.000.000 đồng và bộ hồ sơ của V, T nhận tiền và có viết biên nhận; Lần thứ hai vào ngày 15.9.2015 H giao cho T 90.000.000 đồng tại quán cà phê trên đường Trần Vĩnh K, phường A, quận N, thành phố C. Lần này T không viết biên nhận mà nói H về nhà đợi đến ngày 10.10.2015 có giấy báo nhập học thì sẽ nhận hết số tiền còn lại. Đến hẹn, H không nhận được giấy báo nhập học của V, sau nhiều lần liên hệ yêu cầu T trả lại tiền nhưng không có kết quả, ngày 31.5.2016 Trương Bảo H đến cơ quan điều tra tố cáo sự việc.

Tang vật thu giữ gồm 02 tờ biên nhận tiền ngày 15.8.2015 và 03.4.2016; Đào Thị Thu T giao nộp 210.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 161/KLGĐ – PC54 ngày 17.8.2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố C kết luận:

5.1. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Đào Thị Thu T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Đào Thị Thu T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người ký ra hay không.

5.2. Chữ ký mang tên Đào Thị Thu T trên tài liệu giám định ký hiệu A2 so với chữ ký của Đào Thị Thu T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra.

5.3. Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của Đào Thị Thu T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra.

Tại bản án sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 05.4.2017 của Tòa án nhân dân quận N đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 129 và 137 Bộ luật dân sự năm 2005; xử phạt Đào Thị Thu T 07 năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ". Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận bị cáo đã bồi thường xong cho ông Trương Bảo H số tiền 210.000.000 đồng.

Buộc ông H phải nộp lại số tiền 210.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 14.4.2017 bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo. Bị hại Trương Bảo H kháng cáo xin cho nhận lại số tiền 210.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, bị hại và các Luật sư.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin án treo, với lý do việc bị cáo nhận giúp cho con bị hại vào trường công an với giá 40.000.000 đồng, phần còn lại theo biên nhận 170.000.000 đồng là số tiền bị cáo mượn của bị hại để giải quyết khó khăn. Quá trình điều tra do muốn xếp hồ sơ không giải quyết tiếp nên đã nghe theo lời sắp đặt của bị hại và cơ quan điều tra khai nhận đã lừa bị hại với số tiền 210.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị hại kháng cáo yêu cầu nhận lại số tiền 210.000.000 đồng và khai rằng số tiền bị cáo hứa hẹn lo cho con bị hại vào học với giá 40.000.000 đồng, còn 170.000.000 đồng là số tiền cho bị cáo mượn để giải quyết việc riêng.

Cả bị cáo và bị hại khẳng định chính bị cáo đã viết và ký vào hai biên bản nhận tiền của bị cáo như đã nộp cho Cơ quan điều tra.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại về thực chất số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, do quá trình điều tra đã không làm rõ về khai nại của bị cáo đối với số tiền đã nhận để lo cho con bị hại chỉ là 40.000.000 đồng, số tiền còn lại là số tiền vay mượn do giữa bị cáo và bị hại do có quan hệ tình cảm. Do sự chênh lệch về số tiền trên sẽ ảnh hưởng đến tình tiết định khung hình phạt, còn nhiều sự việc ẩn khuất nên cần thiết hủy án sơ thẩm để làm rõ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử sơ thẩm lại do lời khai của bị cáo, bị hại thống nhất ở điểm số tiền dùng vào việc lo cho con bị hại chỉ là 40.000.000 đồng, còn 170.000.000 đồng là tiền vay mượn nên nếu tịch thu toàn bộ số tiền 210.000.000 đồng như án sơ thẩm tuyên là thiệt thòi cho bị hại, ảnh hưởng đến việc lượng hình cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do quá trình điều tra đã tiến hành đúng quy định về tố tụng, các lời khai của bị cáo, bị hại là phù hợp với chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ, có căn cứ để kết luận bị cáo đã có thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng là bị cáo lo được cho con bị hại vào trường công an nhưng thực tế bị cáo không thực hiện được như đã hứa. Số tiền đã chiếm đoạt của bị hại như án sơ thẩm đã quy kết là phù hợp với kết quả điều tra, các biên nhận nhận tiền, không có chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền bị cáo và bị hại đã khai về việc phạm tội là 40.000.000 đồng, còn lại 170.000.000 đồng là tiền vay mượn. Xét án sơ thẩm đã tuyên xử là đúng người, đúng tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt đã tuyên là tương xứng. Đối với

giao dịch giữa bị cáo và bị hại là trái pháp luật, nên bị hại phải giao nộp số tiền 210.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước là đúng pháp luật. Các lý do kháng cáo của bị cáo và bị hại nêu không có cơ sở để chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận định, về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại trong hạn luật định nên chấp nhận là đơn hợp lệ.

Xét quá trình tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của tố tụng. Xét lời khai của bị cáo và bị hại về diễn biến hành vi, về số tiền thực nhận liên quan đến việc lo lót cho con bị hại vào học tại trường công an là nhất quán với nhau, phù hợp với biên nhận nhận tiền ngày 15.8.2015 với tổng số tiền là 210.000.000 đồng. Trong đơn tố giác và biên bản thu giữ tang vật, tài liệu cũng thể hiện bị hại đã xuất trình biên nhận cùng ngày nộp đơn tố giác 31.5.2016. Không có chứng cứ cho rằng bị cáo bị ép cung hay dụ cung, cũng không có chứng cứ về khai nại của bị cáo và bị hại về số tiền 40.000.000 đồng có tính chất lừa dối để chiếm đoạt và 170.000.000 đồng là tiền vay mượn. Chỉ khi kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị hại mới nêu việc này nhằm tránh việc tịch thu khoản tiền giao dịch trái pháp luật. Án sơ thẩm đã xét xử là đúng với các chứng cứ khách quan và tuyên xử là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại và các ý kiến bào chữa của các luật sư, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 129 và 137 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xử phạt: Bị cáo Đào Thị Thu T 07 năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ". Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận bị cáo đã bồi thường xong cho ông Trương Bảo H số tiền 210.000.000 đồng.

Buộc ông Trương Bảo H phải nộp lại số tiền 210.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng, bị hại ông H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thụy Vũ